

Tp. Pleiku, ngày 18 tháng 09 năm 2023

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ đầu giá số: 183/2023/HĐDVĐGTS, ngày 18/9/2023 giữa phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ (Cơ quan được ủy quyền thực hiện đầu giá) và Doanh nghiệp Đầu Giá tư nhân Đại Phát (đơn vị tổ chức đầu giá tài sản) về việc đầu giá tài sản quyền sử dụng đất tại các khu quy hoạch trên địa bàn huyện Đức Cơ. Doanh nghiệp Đầu Giá tư nhân Đại Phát thông báo đầu giá tài sản như sau:

1. Tên tài sản bán đầu giá: Quyền sử dụng đất

- Tổng số lô đất bán đầu giá : 54 lô (kèm theo danh sách chi tiết)
- Tổng diện tích đất bán đầu giá: 9.492,52m²
- Tổng giá trị khởi điểm bán đầu giá: 27.704.501.760 đồng (Làm tròn: 27.704.501.000 đồng; bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ bảy trăm linh bốn triệu năm trăm linh một ngàn đồng) *Cụ thể:*

1.1. Trên địa bàn thị trấn Chư Ty: 41 lô, diện tích 6.855,52m², gồm:

* Đất thương mại dịch vụ: 01 lô, diện tích: 85m².

Vị trí: Thửa đất số 96, tờ bản đồ 10 tại Đường Quang Trung (Cạnh Ngân hàng BIDV).

Hình thức giao đất: Cho thuê đất trả tiền một lần thông qua hình thức đầu giá. Thời hạn sử dụng: 50 năm.

* Đất ở đô thị: 40 lô, diện tích: 6.770,52m².

Vị trí: Đường Quang Trung (khu vực đối diện trường TH Kim Đồng và phía Tây Công an huyện); các lô đất xen kẽ trong khu dân cư (đường Nguyễn Văn Linh, đường Anh Hùng Núp, đường Tăng Bạt Hổ).

Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đầu giá. Thời hạn sử dụng: Lâu dài

1.2. Trên địa bàn xã Ia Kriêng:

- Loại đất đầu giá: Đất ở nông thôn.

- Diện tích: 2.637m² (13 lô).

- Vị trí: Đường Tuyến II, thôn Ia Lâm (Gần BCHQS huyện).

- Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đầu giá. Thời

hạn sử dụng: Lâu dài

2. Nguồn gốc: Quyền sử dụng đất do nhà nước quản lý;

3. Hình thức giao đất, loại đất giao, thời hạn giao và hình thức thu tiền:

Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đầu giá; Loại đất đầu giá: Đất ở đô thị; Đất ở nông thôn; Thời hạn giao đất: Lâu dài; Hình thức thu tiền: thu tiền một lần.

4. Tiền đặt trước: 20% giá khởi điểm của mỗi lô đất.

5. Thời gian nộp tiền đặt trước: trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đầu giá (Trừ trường hợp người đăng ký tham gia đầu giá có nhu cầu, tự nguyện đề nghị được nộp tiền đặt trước trước thời hạn này được quy định tại khoản 2 điều 39 của Luật đầu giá tài sản năm 2016).

6. Thời gian nhận và nộp phiếu trả giá đấu giá: Ngày 09/10/2023 đến 15 giờ 00 phút ngày 11/10/2023 tại Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ (trong giờ hành chính)

7. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Giá khởi điểm Từ 200 triệu đến 500 triệu đồng là 200.000 đồng/hồ sơ; trên 500 triệu đồng là 500.000 đồng/hồ sơ

8. Thời gian xem tài sản: Từ ngày thông báo niêm yết đến ngày 09/10/2023

Địa điểm xem tài sản: Khách hàng tham gia đấu giá được trực tiếp xem tài sản đấu giá theo thông báo công khai đến trước ngày mở cuộc đấu giá. Xem thực tế tại nơi có lô đất đấu giá và hồ sơ công khai các lô đất đấu giá tại:

+ Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ

Địa chỉ : Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, Gia Lai

+ Trụ sở UBND Thị trấn Chư Ty, xã Ia Kriêng

+ Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Phát

Địa chỉ: 239A Duy Tân, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Gia Lai.

9. Thời gian bán, nhận, kết thúc hồ sơ tham gia đấu giá: Từ ngày thông báo niêm yết việc đấu giá đến 14 giờ 30 ngày 09/10/2023 (trong giờ hành chính).

10. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp đơn đăng ký, tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước theo quy định. Trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá.

11. Ngày công bố giá đấu giá: Lúc 8 giờ 00 phút, ngày 12/10/2023

12. Địa điểm công bố giá (dự kiến): Tại Hội trường UBND thị trấn Chư Ty huyện Đức Cơ.

13. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp;

14. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên

15. Địa điểm bán hồ sơ, bỏ phiếu trả giá tại hai nơi: Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Phát, Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ.

16. Thông tin liên hệ (để đăng ký và biết xem chi tiết):

- Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Phát số 239A Duy Tân, Phường Diên Hồng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai. ĐT: 02693.887.339;

- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ.

Nơi thông báo:

- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Đức Cơ;
- Báo Thanh Niên (đăng báo);
- UBND huyện Đức Cơ ;
- UBND Thị trấn Chư ty;
- UBND xã Ia Kriêng
- Trang Web về đấu giá tài sản – Bộ tư pháp;
- Trang Web tài sản công – Bộ tài chính
- Lưu HS đấu giá.



GIAM ĐỐC

TRƯỞNG THÁI TÚ LAM

**DOANH NGHIỆP ĐẦU GIÁ
TƯ NHÂN ĐẠI PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Kèm theo Thông báo số: 183/2023/TBĐG-ĐP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của
Doanh nghiệp đầu giá tư nhân Đại Phát)

TT	Khu vực, vị trí	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm	tiền đặt trước	phí tham gia	Ghi chú
A	TT. CHỦ TY: 41 lô	6.855,52	24.236.504.760			
1	Thửa đất số 96, tờ bản đồ 10 tại Đường Quang Trung (Cạnh Ngân hàng BIDV): Vị trí 1: Đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Tăng Bạt Hổ	85	2.695.503.000	539.100.000	500.000	
2	Khu vực QH đối diện với trường TH Kim Đồng (Đường Quang Trung (Vị trí 1: Từ đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ) - hết ranh giới thị trấn)): 2 lô	420	1.477.980.000			
2,1	Lô B13	210	738.990.000	147.700.000	500.000	
2,2	Lô B17	210	738.990.000	147.700.000	500.000	
3	Khu vực QH tổ dân phố 7 (Phía Tây Công an huyện - Đường Quang Trung (Vị trí 1: Từ đường vào Sư đoàn BB DBĐV 15 (cũ) - hết ranh giới thị trấn)) : 30 lô	5.278,02	17.354.129.760			
-	Khu B: 15 lô	2.887,79	9.495.053.520			
3,1	Lô B1	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,2	Lô B2	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,3	Lô B3	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,4	Lô B4	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,5	Lô B5	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,6	Lô B6	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,7	Lô B7	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,8	Lô B8	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,9	Lô B9	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,10	Lô B10	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
3,11	Lô B11	192,76	633.794.880	126.700.000	500.000	
3,12	Lô B12	192,44	632.742.720	126.700.000	500.000	
3,13	Lô B13	192,59	633.235.920	126.600.000	500.000	
3,14	Lô B14	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	



3.15	Lô B15	192,5	632.940.000	126.500.000	500.000	
-	Khu A: 15 lô	2.390,23	7.859.076.240			
3.16	Lô A1	173,18	569.415.840	113.800.000	500.000	
3.17	Lô A2	169,16	556.198.080	111.200.000	500.000	
3.18	Lô A3	165,62	544.558.560	108.900.000	500.000	
3.19	Lô A4	162,55	534.464.400	106.800.000	500.000	
3.20	Lô A5	159,95	525.915.600	105.100.000	500.000	
3.21	Lô A6	157,82	518.912.160	103.700.000	500.000	
3.22	Lô A7	156,16	513.454.080	102.600.000	500.000	
3.23	Lô A8	154,97	509.541.360	101.900.000	500.000	
3.24	Lô A9	154,25	507.174.000	101.400.000	500.000	
3.25	Lô A10	153,99	506.319.120	101.200.000	500.000	
3.26	Lô A11	154,21	507.042.480	101.400.000	500.000	
3.27	Lô A12	154,89	509.278.320	101.800.000	500.000	
3.28	Lô A13	156,05	513.092.400	102.600.000	500.000	
3.29	Lô A14	157,67	518.418.960	103.600.000	500.000	
3.30	Lô A15	159,76	525.290.880	105.000.000	500.000	
4	Lô đất xen kẽ trong khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh (Vị trí 1): 03 lô	358	787.440.000			
4.1	TĐ số: 776 - TĐĐ: 33	118	269.040.000	53.800.000	200.000	Lô góc
4.2	TĐ số: 775 - TĐĐ: 33	120	259.200.000	51.800.000	200.000	
4.3	TĐ số: 774 - TĐĐ: 33	120	259.200.000	51.800.000	200.000	
5	Lô đất xen kẽ trong khu dân cư đường Anh Hùng Núp (Vị trí 1: Đoạn từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường vào Khu dân cư TDP5 (qua Bệnh viện)): 02 lô	255	881.790.000			
5.1	TĐ số: 172 - TĐĐ: 35	135	466.830.000	93.300.000	200.000	
5.2	TĐ số: 173 - TĐĐ: 35	120	414.960.000	82.900.000	200.000	
6	Lô đất xen kẽ trong khu dân cư đường Tăng Bạt Hổ (Vị trí 1: đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Anh Hùng Núp): 03 lô	459,5	1.039.662.000			
6.1	TĐ số: 195 - TĐĐ: 35	150,5	334.561.500	66.900.000	200.000	
6.2	TĐ số: 196 - TĐĐ: 35	153,5	341.230.500	68.200.000	200.000	
6.3	TĐ số: 197 - TĐĐ: 35	155,5	363.870.000	72.700.000	200.000	Lô góc
B	Xã Ia Kriêng: Đường tuyến II, thôn Ia Lâm (KV1-VT4): 13 lô	2.637	3.467.997.000			
1	Lô A18	285	419.805.000	83.600.000	200.000	Lô góc
2	Lô A19	196	254.016.000	50.800.000	200.000	

3	Lô A20	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
4	Lô A21	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
5	Lô A22	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
6	Lô A23	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
7	Lô A24	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
8	Lô A25	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
9	Lô A26	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
10	Lô A27	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
11	Lô A28	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
12	Lô A29	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
13	Lô A30	196	254.016.000	50.800.000	200.000	
	Tổng cộng: 54 lô	9.492,52	27.704.501.760			

